TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ DĨ AN** TỈNH BÌNH DƯƠNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 367/2023/HS-ST Ngày 21-11-2023	

NHÂN DANH NHÀ NƯỚC

ỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Ngọc Công

Thư ký phiên tòa: Ông Lê Duy Long, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Hoa, Kiểm sát viên

Ngày 21 tháng 11 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm theo thủ tục rút gọn vụ án hình sự thụ lý số: 409/2023/TLST-HS ngày 13 tháng 11 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 511/2023/QĐXXST-HS ngày 16 tháng 11 năm 2023 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn T, sinh năm 1989 tại tỉnh Nghệ An; thường trú: Xóm C, xã T, huyện Đ, tỉnh Nghệ An; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 6/12; Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; con ông Nguyễn Văn S (đã chết) và bà Nguyễn Thị D (đã chết); bị cáo có 04 anh chị em ruột, lớn nhất sinh năm 1976, nhỏ nhất sinh năm 1991; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 31/7/2023 cho đến nay; có mặt.

- *Bị hại:* Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1970; thường trú: Ấp P, xã B, huyện L, tỉnh Vĩnh Long; chỗ ở: Số A, đường X, khu phố B, phường A, thành phố D, tỉnh Bình Dương; vắng mặt.

** Người tham gia tố tụng khác:*

- *Người chứng kiến:* Anh Nguyễn Viết K, anh Nguyễn Hoài L; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Văn T là người không có việc làm ổn định, không có nơi cư trú nhất định, dự định về quê nhưng không có tiền. Khoảng 03 giờ ngày 31/7/2023, Nguyễn Văn T đi bộ đến quán nước vỉa hè phía trước nhà số A đường X, khu phố B, phường A, thành phố D, tỉnh Bình Dương của bà Nguyễn Thị M làm chủ, ngồi chờ đón xe khách về quê ở tỉnh Nghệ An. Trong lúc ngồi uống nước tại quán, T nhìn thấy bà M mở hộc tủ của xe bán nước cách nơi T ngồi khoảng 02m và không có khóa, bên trong hộc có tiền mặt để gọn trong cuộn băng keo trong loại lớn. Lúc này, xung quanh rất vắng người nên T ngồi quan sát đợi lúc bà M sơ hở sẽ chiếm đoạt tiền. Đến khoảng 04 giờ cùng ngày, bà M đi quét dọn phía xung quanh quán, T liền đứng dậy đi đến gần hộc tủ xe bán nước, đồng thời quan sát bà M. Khi bà M đang lo quét dọn không

chú ý, T lén lút mở hộc tủ của xe bán nước, thấy bên trong có để xấp tiền polyme gồm nhiều mệnh giá. T liền chiếm đoạt xấp tiền cất vào túi quần trước bên phải. Sau đó, Trường quay lại ghế ngồi uống nước, lúc này T thấy bà M đi lại xe bán nước mở hộc tủ kiểm tra. Biết bà M đã phát hiện Trường lấy trộm tiền nên T đứng dậy bỏ chạy về hướng chân cầu vượt S thuộc phường A, thành phố D, tỉnh Bình Dương. Bà M thấy vậy chạy đuổi theo phía sau và truy hô *"cướp… cướp…"*. T chạy được khoảng 20m thì bị bà M cùng một số người đi đường hỗ trợ bắt giữ. Khi bị bắt, T ngồi xuống đưa tay vào túi quần T đang mặc lấy xấp tiền đã chiếm đoạt trước đó bỏ vào những bụi cây bên cạnh. Sau đó, những người đi đường đã hỗ trợ bà M bắt giữ T, cũng hỗ trợ tìm số tiền mặt và đưa cho bà M đếm được là 2.010.000 đồng tiền mặt, gồm: 01 tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng, 02 tờ tiền mệnh giá 200.000 đồng, 07 tờ tiền mệnh giá 100.000 đồng, 04 tờ tiền mệnh giá 50.000 đồng, 05 tờ tiền mệnh giá 20.000 đồng, 11 tờ tiền mệnh giá 10.000 đồng. Như vậy, tổng số tiền T đã chiếm đoạt của bà M là 2.010.000 đồng, bà M cũng xác định đã mất số tiền này. Sau đó, Công an phường A đến đưa T về trụ sở làm việc và lập hồ sơ vụ việc chuyển đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D xử lý theo thẩm quyền.

* Vật chứng thu giữ: Số tiền 2.010.000 đồng, gồm: 01 tờ tiền polyme mệnh giá 500.000 đồng, 02 tờ tiền polyme mệnh giá 200.000 đồng, 07 tờ tiền polyme mệnh giá 100.000 đồng, 04 tờ tiền polyme mệnh giá 50.000 đồng, 05 tờ tiền mệnh giá 20.000 đồng, 11 tờ tiền polyme mệnh giá 10.000 đồng.

Tại cáo trạng số: 410/CT – VKS - DA ngày 13 tháng 11 năm 2023, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương truy tố bị cáo Nguyễn Văn T về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa, trong phần tranh luận đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h, i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T với mức hình phạt từ 09 (chín) tháng đến 12 (mười hai) tháng tù.

* Về xử lý vật chứng và trách nhiệm dân sự: Đối với tiền 2.010.000 đồng, gồm: 01 tờ tiền polyme mệnh giá 500.000 đồng, 02 tờ tiền polyme mệnh giá 200.000 đồng, 07 tờ tiền polyme mệnh giá 100.000 đồng, 04 tờ tiền polyme mệnh giá 50.000 đồng, 05 tờ tiền mệnh giá 20.000 đồng, 11 tờ tiền polyme mệnh giá 10.000 đồng. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D đã thu hồi trả lại cho bị hại Nguyễn Thị M, bị hại M không yêu cầu gì khác nên trách nhiệm dân sự không đặt ra xem xét.

Tại phiên tòa, bị cáo không tranh luận, đối đáp gì với đại diện Viện kiểm sát, đồng thời trong lời nói sau cùng bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố D, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại và người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết

định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Căn cứ xác định hành vi phạm tội của bị cáo: Khoảng 04 giờ ngày 31/7/2023 tại trước nhà số A đường X, khu phố B, phường A, thành phố D, tỉnh Bình Dương. Nguyễn Văn T có hành vi lén lút chiếm đoạt 01 tờ tiền polyme mệnh giá 500.000 đồng, 02 tờ tiền polyme mệnh giá 200.000 đồng, 07 tờ tiền polyme mệnh giá 100.000 đồng, 04 tờ tiền polyme mệnh giá 50.000 đồng, 05 tờ tiền polyme mệnh giá 20.000 đồng, 11 tờ tiền polyme mệnh giá 10.000 đồng với tổng số tiền 2.010.000 đồng của bị hại Nguyễn Thị M.

Như vậy, hành vi của bị cáo lén lút chiếm đoạt của bị hại với tổng số tiền 2.010.000 đồng, đã đủ yếu tố cấu thành tội trộm cắp tài sản theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Cáo trạng số: 410/CT - VKS - DA ngày 13 tháng 11 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương và luận tội của Kiểm sát viên đề nghị đối với bị cáo là có căn cứ đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Tính chất, mức độ của hành vi: Tội phạm do bị cáo thực hiện tuy ít nghiêm trọng nhưng đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của bị hại được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự nhận thức rõ hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, nhưng vẫn cố ý thực hiện. Vì vậy, cần xử phạt bị cáo mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ tội phạm đã thực hiện, có xét đến các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo đủ để giáo dục cải tạo và có tác dụng đấu tranh phòng ngừa chung.

[4] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[5] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h, i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[6] Về nhân thân: Bị cáo là người chưa có tiền án, tiền sự. Tuy nhiên, bị cáo là người không có nơi cư trú nhất định, không có nghề nghiệp ổn định nên cũng cần xem xét khi quyết định hình phạt đối với bị cáo.

[7] Về hình phạt:

- Hình phạt chính: Xét bị cáo phạm tội ít nghiêm trọng, xâm phạm đến tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, hành vi phạm tội của bị cáo ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định áp dụng hình phạt tù đối với bị cáo, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đủ để giáo dục, cải tạo bị cáo thành công dân có ích cho gia đình, xã hội và có tác dụng đấu tranh, phòng ngừa chung. Tuy nhiên, xét thấy bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, chiếm đoạt số tiền không lớn (2.010.000 đồng), vì vậy Hội đồng xét xử áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 hạ khung hình phạt cho bị cáo để thể hiện sự khoan hồng của pháp luật đối với bị cáo.

- Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017: *"Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng"*. Tuy nhiên áp dụng phạt tù cũng đủ để răn đe, giáo dục bị cáo nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[8] Về xử lý vật chứng và trách nhiệm dân sự: Đối với tiền 2.010.000 đồng, gồm: 01 tờ tiền polyme mệnh giá 500.000 đồng, 02 tờ tiền polyme mệnh giá 200.000 đồng, 07 tờ tiền polyme mệnh giá 100.000 đồng, 04 tờ tiền polyme mệnh giá 50.000 đồng, 05 tờ tiền mệnh giá 20.000 đồng, 11 tờ tiền polyme mệnh giá 10.000 đồng. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D đã thu hồi trả lại cho bị hại Nguyễn Thị M, bị hại M không yêu cầu gì khác nên trách nhiệm dân sự không đặt ra xem xét.

[10] Đối với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát thành phố D, tỉnh Bình Dương đưa ra những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo, điều luật áp dụng đối với bị cáo, xử lý vật chứng cũng như trách nhiệm dân sự là phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận. Còn mức hình phạt: Xét thấy, tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo cũng như số tiền chiếm đoạt nên Hội đồng xét xử quyết định mức hình phạt thấp hơn Viện kiểm sát đề nghị.

[11] Án phí sơ thẩm: Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc Hội khoá 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội "Trộm cắp tài sản".

1.1 Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h, i, s khoản 1 Điều 51 và Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 03 (ba) tháng 24 (hai mươi bốn) ngày tù, được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 31/7/2023 đến ngày 21/11/2023 (bị cáo đã chấp hành xong hình phạt).

1.2 Áp dụng khoản 5 Điều 328 Bộ luật tố tụng Hình sự năm 2015.

Tuyên bố trả tự do cho bị cáo Nguyễn Văn T ngay tại phiên tòa, nếu bị cáo T không bị tạm giữ, bị bắt tạm giam về một tội phạm nào khác.

2. Về án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng khoản 2 Điều 135 Bộ luật Tố tụng Hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khoá 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Bị cáo Nguyễn Văn T phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc tống đạt bản án hợp lệ./.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**